

Tiết 3:TẬP ĐỌC
TIẾNG CƯỜI LÀ LIỀU THUỐC BỔ

I. MỤC TIÊU:

- Kiến thức:** Hiểu nội dung bài: Tiếng cười mang đến niềm vui cho cuộc sống, làm cho con người hạnh phúc, sống lâu (trả lời được các câu hỏi trong SGK)
- Kĩ năng:** Bước đầu biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, dứt khoát.
- Thái độ:** GD HS luôn yêu cuộc sống và mang lại tiếng cười cho mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Tranh ảnh minh hoạ SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	<u>A.Kiểm tra:</u>	- Đọc thuộc lòng bài thơ “Con chim chiền chiện” và trả lời câu hỏi về nội dung bài. - Nhận xét .	- 2 em lên bảng đọc và trả lời nội dung bài .
30'	<u>B.Bài mới:</u> 1.Giới thiệu bài: 2.Luyện đọc - Biết đọc một văn bản phổ biến khoa học với giọng rành rẽ, dứt khoát. 3. Tìm hiểu bài: - Trả lời được các câu hỏi trong SGK)	- Tiếp nhau đọc 3 đoạn của bài (3 lượt HS đọc). - GV sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS. - Đọc phần chú giải. - Luyện đọc theo cặp. - Gọi một HS đọc lại cả bài . - GV đọc mẫu, chú ý cách đọc. - Yêu cầu HS đọc đoạn 1 câu chuyện trao đổi và trả lời câu hỏi. - Vì sao tiếng cười là liều thuốc bổ ?	- HS nghe. - 3 HS nối tiếp nhau đọc theo trình tự. - 3 HS đọc, luyện đọc đúng. - 3 HS đọc, nêu chú giải SGK. - HS luyện đọc nhóm đôi. - 1 HS đọc thành tiếng . - HS nghe. - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - Vì khi ta cười thì tốc độ thở của con người tăng lên đến 100 ki - lô - mét một giờ, các cơ mặt thư giãn, não tiết ra một chất làm con người có cảm giác thoải mái, thoải

<p>3'</p>	<p>4, Đọc diễn cảm:</p> <p><u>C. Củng cố</u> <u>Dẫn dò:</u></p>	<p>- Nội dung đoạn 1 nói lên điều gì</p> <p>-Yêu cầu HS đọc đoạn 2 trao đổi và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Người ta tìm cách tạo ra tiếng cười cho bệnh nhân để làm gì ?</p> <p>- Nội dung đoạn 2 nói lên điều gì</p> <p>-Yêu cầu HS đọc đoạn 3 trao đổi và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Em rút ra điều gì qua bài này? Hãy chọn ra ý đúng nhất ?</p> <p>+ Đoạn 3 cho em biết điều gì?</p> <p>- Ghi nội dung chính của bài.</p> <p>- Gọi HS nhắc lại .</p> <p>-Yêu cầu 3 HS tiếp nối nhau đọc mỗi em đọc 1 đoạn của bài.</p> <p>- HS cả lớp theo dõi để tìm ra cách đọc hay.</p> <p>- Đoạn cần luyện đọc là: <u>Tiếng cười là liều thuốc bổ ... , cơ thể sẽ tiết ra một số chất làm hẹp mạch máu .</u></p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc.</p> <p>- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm cả câu truyện .</p> <p>- Nhận xét về giọng đọc .</p> <p>- Hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị cho bài học sau .</p>	<p>mãn...</p> <p>- Nói lên tác dụng tiếng cười đối với cơ thể con người.</p> <p>+ 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm .</p> <p>- Trao đổi thảo luận và tiếp nối nhau phát biểu :</p> <p>- Để rút ngắn thời gian điều trị bệnh nhân, tiết kiệm tiền cho nhà nước .</p> <p>- Tiếng cười là liều thuốc bổ</p> <p>- 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm bài trả lời câu hỏi :</p> <p>- Ý đúng là ý b.</p> <p>Cần biết sống một cách vui vẻ</p> <p>- Người có tính hài hước sẽ sống lâu hơn .</p> <p>- 2 đọc thành tiếng, lớp đọc thầm lại nội dung</p> <p>- 3 HS tiếp nối đọc 3 đoạn .</p> <p>- Rèn đọc từ, cụm từ ,câu khó theo hướng dẫn của thầy .</p> <p>- HS luyện đọc theo cặp.</p> <p>- 3 đến 5 HS thi đọc diễn cảm.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS nghe.</p>
-----------	--	---	--

TUẦN 34

Tiết 1: CHÀO CỜ

Tập trung toàn trường

Tiết 2: TOÁN

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tiếp)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Chuyển đổi được các đơn vị đo diện tích. Thực hiện được phép tính với số đo diện tích.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng chuyển đổi các đơn vị đo diện tích và giải các bài tập 1, 2, 4 trang 172.

3. Thái độ: HS yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Bảng nhóm, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	<u>A. Kiểm tra:</u>	- Nêu tên các đơn vị đo diện tích đã học. - Nhận xét.	- 2 HS lên bảng viết, cả lớp viết bảng con. - Nhận xét bài bạn .
30'	<u>B. Bài mới:</u> 1, Giới thiệu bài	Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục ôn tập về đại lượng	-HS nghe.

	<p>2, Thực hành *Bài 1 Chuyển đổi được các đơn vị đo diện tích</p> <p>*Bài 2 Rèn kĩ năng chuyển đổi các đơn vị đo diện tích</p> <p>*Bài 4 : - Giải toán</p>	<p>- Đọc yêu cầu của bài. - Hỏi hai đơn vị đo diện tích liền nhau gấp hoặc kém nhau bao nhiêu lần?</p> <p>- GV đi giúp đỡ những HS gặp khó khăn - Nhận xét. - Đọc yêu cầu của bài. - Nêu cách đổi từ đơn vị lớn về đơn vị nhỏ hoặc ngược lại.</p> <p>- Nhận xét - Đọc đề bài. - Phân tích đề bài.</p>	<p>- 1 HS đọc. -2 HS trả lời. - HS ở lớp làm bảng con, 2 HS lên bảng làm. $1m^2 = 10dm^2$ $1km^2 = 1000000m^2$ $1m^2 = 10000 cm^2$ $1dm = 100cm^2$ - Nhận xét bài bạn .</p> <p>- 1 HS đọc. - 2 HS nêu. - HS thực hiện vào vở . - 2 HS lên bảng thực hiện . a) $15 m^2 = 150 000 cm^2$; $\frac{1}{10} m^2 = 10 dm^2$ $103m^2 = 103 00 dm^2$; $\frac{1}{10} dm^2 = 10 cm^2$ $2110 m^2 = 211000 cm^2$; $\frac{1}{10} m^2 = 1000 m^2$ + Nhận xét bài bạn .</p> <p>- 1 HS đọc. - Tiếp nối nhau phát biểu . - HS làm bài vào vở, 1 em làm bảng nhóm và trình bày trước lớp. - Đối chiếu kết quả.</p> <p>Bài giải <i>Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là :</i> $64 \times 25 = 1600 (m^2)$ <i>Số tạ thóc cả thửa ruộng thu được</i></p>
--	---	---	--

2'	C. <u>Củng cố</u> <u>Dẫn dò:</u>	+ Nhận xét. - Nhận xét đánh giá tiết học . - Dặn về nhà học bài và làm bài. Chuẩn bị bài: Ôn tập về hình học.	$1600 \times \frac{1}{2} = 800 \text{ kg}$ $= 8 \text{ tạ}$ Đáp số: 8 tạ. + Nhận xét bài bạn . -HS nghe. -HS nghe.
----	---	---	--

Tiết 4:

LỊCH SỬ

Ôn tập cuối học kỳ 2

I MỤC TIÊU:

1 Kiến thức - Kỹ năng:

- Hệ thống những sự kiện lịch tiêu biểu từ thời Hậu Lê- thời Nguyễn.

2 Thái độ:

3'	<p>* Hoạt động 3 : Hoạt động cả lớp.</p> <p>C. củng cố - dặn dò:</p>	<p>phần tóm tắt của mình.</p> <p>GV nhận xét , kết luận.</p> <p>GV đưa ra một số địa danh, di tích LS, văn hoá có đề cập trong SGK như: +Lăng Hùng Vương +Thành Cổ Loa +Song Bạch Đằng + Động Hoa Lư +Thành Thăng Long + Tượng Phật A di đà</p> <p>GV yêu cầu một số HS điền thêm thời gian hoặc sự kiện LS , văn hoá đó(động viên HS bổ sung các di tích , địa danh trong SGK mà GV chưa đề cập đến).</p> <p>Gọi một số em trình bày tiến trình lịch sử vào sơ đồ.</p> <p>GV khái quát một số nét chính của LS Việt Nam từ thời Văn Lang đến nhà Nguyễn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét giờ học.- Về nhà xem lại bài và chuẩn bị ôn tập kiểm tra HK 2	<p>bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>- 3 HS lên điền. - HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS trình bày. - HS lắng nghe.</p> <p>Ôn tập để làm bài kiểm tra.</p>
----	--	---	--

Tiết 5: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
MỞ RỘNG VỐN TỪ : LẠC QUAN- YÊU ĐỜI

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.
2. **Kĩ năng:** Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).
3. **Thái độ:** HS yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Bảng nhóm, quyền từ điển.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	<u>A. Kiểm tra:</u>	- Trạng ngữ chỉ mục đích có tác dụng gì? Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi gì? - Lấy ví dụ. - GV nhận xét.	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu
30'	<u>B. Bài mới:</u> 1. Giới thiệu bài: 2. Giảng bài * Bài 1: - Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.	- Đọc nội dung bài 1. - GV hướng dẫn HS làm phép thử để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình. a) Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì? b) Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi cảm thấy thế nào? c) Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi là người thế nào?	- HS nghe. - 2 HS đọc nội dung bài 1. - Bọn trẻ đang làm gì? - Bọn trẻ đang vui chơi ngoài vườn. - Em cảm thấy thế nào? - Em cảm thấy rất vui thích . - Chú Ba là người thế nào? - Chú Ba là người vui tính - Các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày. + Từ chỉ hoạt động : vui chơi, góp vui, mua vui. + Từ chỉ cảm giác : vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui. + Từ chỉ tính tình : vui tính, vui nhộn, vui tươi.

<p>2'</p>	<p>*Bài 2:Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ đề quan, yêu đời</p> <p>*Bài 3:</p> <p><u>C. Củng cố</u> <u>Dẫn dò:</u></p>	<p>d) Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời 2 câu hỏi cảm thấy thế nào ? là người thế nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát bảng nhóm cho HS thảo luận nhóm 4. xếp các từ đã cho vào bảng phân loại. - GV nhận xét chốt lại lời giải đúng.. - Đọc yêu cầu bài 2. - Yêu cầu HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp.GV nhận xét. <p>Đọc yêu cầu bài 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc HS chỉ tìm những từ miêu tả tiếng cười(không tìm các từ miêu tả nụ cười)- Cho HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. Gọi HS phát biểu, GV ghi nhanh lên bảng những từ ngữ đúng, bổ sung thêm những từ ngữ mới. - Tổng kết toàn bài. - Liên hệ thực tế. - Về ôn lại bài và chuẩn bị bài sau <i>Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu</i> 	<p>+Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình: vui vẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc. - HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp. + Lan là một người vui tính. - 2 HS đọc yêu cầu bài 3. - HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. - HS nói tiếp phát biểu, mỗi HS nêu một từ đồng thời đặt một câu. + Từ ngữ miêu tả tiếng cười:<i>Cười ha hả, hi hí, hơ hơ, khanh khách, sảng sặc , sặc sụa , khúc khích,</i> - HS nghe. - HS nghe.
-----------	--	--	--

Tiết 1: THỂ DỤC
Giáo viên chuyên dạy

Tiết 2: TOÁN
ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

2. Kỹ năng: HS làm đúng các bài tập 1, 3, 4 trang 173.

3. Thái độ: HS hứng thú học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

Bảng nhóm, hình vẽ minh họa.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
3'	<u>A. Kiểm tra:</u>	- Nêu đặc điểm của hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, tính chu vi diện tích hình vuông và hình chữ nhật.	- 4 HS trả lời. - HS nhận xét.
30'	<u>B. Bài mới:</u> 1. Giới thiệu bài: 2. Hướng dẫn ôn tập: *Bài 1: - Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc	- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ trong SGK và nhận biết các cặp cạnh song song với nhau, vuông góc với nhau.	- HS nghe. - HS làm việc theo cặp quan sát hình vẽ trong SGK và nhận biết các cặp cạnh song song với nhau, vuông góc với nhau. - Một cặp trình bày trước lớp, lớp nhận xét. a) cạnh AB và DC song song với nhau. b) Cạnh BA và AD vuông góc với nhau, Cạnh AD và DC vuông góc với